

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày: 09/01/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đoan Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Lý Chung
2. Ông Nguyễn Văn Hóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2017TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2017/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Diệp Thị Ngọc H., sinh năm: 1964; địa chỉ: đường DNC, Phường XIV, Quận VI, Thành phố H; (có mặt)

2. *Bị đơn:*

a. Bà Huỳnh Ngọc Tuyết P., sinh năm: 1967; địa chỉ: đường 3/2, Phường VI, Quận XI, Thành phố H; (có mặt)

b. Ông Trần Văn M., sinh năm: 1961; địa chỉ: đường 3/2, Phường VI, Quận XI, Thành phố H; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2017, các bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn – bà Diệp Thị Ngọc H. trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2016, bà Huỳnh Ngọc Tuyết P. và ông Trần Văn M. có vay của bà Diệp Thị Ngọc H. nhiều lần với tổng số tiền là 2.100.000.000 đồng theo các giấy vay tiền sau :

- “Giấy mượn tiền” ngày 21/01/2013 số tiền 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng), lãi suất 15.000.000 đồng/tháng, trả vào ngày 21 hàng tháng, thời hạn

trả nợ gốc là báo trước 01 tháng;

- “Giấy mượn tiền” ngày 21/11/2013 số tiền 400.000.000đồng (bốn trăm triệu đồng), lãi suất 8.000.000 đồng/tháng, trả vào ngày 21 hàng tháng , không quy định thời hạn trả nợ gốc;

- “Giấy mượn tiền” ngày 21/11/2013 số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), lãi suất 4.000.000 đồng/tháng, trả vào ngày 21 hàng tháng, không quy định thời hạn trả nợ gốc;

- “Giấy mượn tiền” ngày 22/7/2014 số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), lãi suất 6.000.000 đồng/tháng, thời hạn trả nợ gốc là báo trước 02 tháng;

- “Giấy mượn tiền” ngày 20/4/2015 số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), không quy định lãi suất, thời hạn trả là 03 tháng từ ngày 20/4/2015 đến 20/7/2015;

- “Giấy mượn tiền” ngày 15/8/2016 số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng);

Trong thời gian vay tiền bà P., ông M đã trả được 200.000.000 đồng tiền nợ gốc. Đến hạn trả tiền theo giấy mượn tiền ngày 20/4/2015 bà P. và ông M đã không trả tiền. Do đó ngày 06/9/2017 bà H. đã có thông báo gửi bà P., ông M yêu cầu trả toàn bộ số tiền 1.900.000.000 đồng nhưng bà P., ông M vẫn chưa trả tiền.

Nay bà H. yêu cầu Tòa án buộc bà P., ông M trả số tiền 1.900.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Việc vay mượn tiền giữa bà H. và ông M, bà P. là tiền riêng của bà H., không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Anh T. Yêu cầu Tòa án không đưa ông Tài vào tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn bà Huỳnh Ngọc Tuyết P. và ông Trần Văn M. trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2016, ông M, bà P. có mượn của bà H. tổng số tiền là 2.020.000.000 đồng, vợ chồng ông M bà P. đã trả lãi là 1.310.000.000 đồng. Sau khi tính toán trừ đi khoản tiền đã trả lãi, ông M bà P. đồng ý trả lại cho bà H. số tiền vốn là 1.000.000.000 đồng theo phương thức: Sau khi bán nhà số 1075 đường 3/2, Phường 6, Quận 11, ông M bà P. sẽ trả thêm cho bà H. 300.000.000đồng, số tiền 700.000.000đồng sẽ trả dần khi cuộc sống ổn định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Diệp Thị Ngọc H. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Huỳnh Ngọc Tuyết P. và ông Trần Văn M. thừa nhận còn nợ bà H. số tiền 1.900.000.000 đồng và vẫn đề nghị bà H. cho trả tiền theo phương thức: Sau khi bán nhà số 1075 đường 3/2, Phường 6, Quận 11, ông M bà P. sẽ trả thêm cho bà H. 300.000.000 đồng, số tiền 700.000.000 đồng sẽ trả dần khi cuộc sống ổn định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Diệp Thị Ngọc H. khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Huỳnh Ngọc Tuyết P. và ông Trần Văn M.. Bị đơn có trụ sở tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; do vậy, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông Trần Văn M. với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Huỳnh Ngọc Tuyết P. và ông Trần Văn M. có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ, do đó cần xác định lại tư cách đương sự của ông Trần Văn M. là bị đơn theo khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS);

[2] Về yêu cầu của đương sự: Bà Diệp Thị Ngọc H. yêu cầu bà Huỳnh Ngọc Tuyết P. và ông Trần Văn M. thanh toán số tiền nợ là 1.900.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ các giấy mượn tiền ngày 21/01/2013, ngày 21/11/2013, ngày 21/01/2013 (lần 2), ngày 22/7/2014, ngày 20/4/2015, ngày 15/8/2016 có chữ ký của bà Huỳnh Ngọc Tuyết P., biên bản hòa giải không thành ngày 16/11/2017 và tại phiên tòa hôm nay, có cơ sở xác định bà Huỳnh Ngọc Tuyết P., ông Trần Văn M. còn nợ bà Diệp Thị Ngọc H số tiền 1.900.000.000 đồng.

Giao dịch dân sự giữa hai bên được xác định là hợp đồng vay tài sản, “Giấy mượn tiền” ngày 20/4/2015 được xác định là có kì hạn và có lãi; các “Giấy mượn tiền” ngày 21/01/2013, ngày 21/11/2013, ngày 21/01/2013 (lần 2), ngày 22/7/2014, ngày 15/8/2016 được xác định là không có kì hạn và có lãi. Hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện nên có giá trị pháp lý, ràng buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (BLDS) thì "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*".

Quá thời hạn thanh toán, bà H. đã có thông báo yêu cầu trả nợ và thời hạn trả nợ nhưng bà P. và ông M không trả tiền cho bà H. là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Về lời trình bày của bà P., ông M trong quá trình giải quyết vụ án: là có trả tiền lãi cho bà H. số tiền 1.310.000.000 đồng. Nay bà P., ông M chỉ đồng ý trả 1.000.000.000 đồng theo phương thức: sau khi bán nhà số 1075 đường 3/2, Phường 6, Quận 11 sẽ trả thêm 300.000.000 đồng, số tiền 700.000.000 đồng sẽ trả dần khi cuộc sống ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa bà P., ông M

không có bất cứ chứng cứ gì chứng minh cho lời khai trên. Mặt khác tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn đã xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 1.900.000.000 đồng và không có yêu cầu xem xét tính số tiền lãi đã thanh toán cho bà H., do đó yêu cầu của bị đơn không có cơ sở để xem xét. Đồng thời bị đơn yêu cầu trả nợ nhưng không có thời hạn cụ thể là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H.. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H. buộc ông M, bà P. thanh toán số tiền nợ ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về lãi suất: Bà Diệp Thị Ngọc H. không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền đã cho bà Huỳnh Ngọc Tuyết P. và ông Trần Văn M. vay. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào các Điều 474, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Huỳnh Ngọc Tuyết P. và ông Trần Văn M. có nghĩa vụ trả nợ cho bà Diệp Thị Ngọc H. số tiền 1.900.000.000 (Một tỷ chín trăm triệu) đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 1.900.000.000 đồng, được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là 74.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp thuận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại toàn bộ án phí mà nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 471, 474, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ vào Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Diệp Thị Ngọc H..

Buộc bà Huỳnh Ngọc Tuyết P. và ông Trần Văn M. có nghĩa vụ trả nợ cho bà Diệp Thị Ngọc H. số tiền 1.900.000.000 (Một tỷ chín trăm triệu) đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Ngọc Tuyết P. và ông Trần Văn M. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 69.000.000 (Sáu mươi chín triệu) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Diệp Thị Ngọc H. số tiền tạm án phí đã nộp là 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004543 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Đoàn Tiên